

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/DS-ST.

Ngày: 29-6-2023.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Hạnh.

Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Thiện Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2023/TLST-DS ngày 07/3/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (VCB); trụ sở: Số 198, T, Phường L, Quận H, Thành phố H; địa chỉ liên hệ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (VCB) – chi nhánh B - phòng giao dịch T, số 516, C, phường P, thành phố T, tỉnh B.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Vũ Thị Phong L, sinh năm 1979 - chức vụ: Trưởng phòng T. Là đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền ngày 22/12/2022. Có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Lữ Bảo V, sinh năm 1983; thường trú tại: Tổ 3, khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 12/01/2022, ông Lữ Bảo V đề nghị Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng quốc tế V Visa theo hình thức tín chấp (không có tài sản bảo đảm) với hạn mức thẻ tín dụng là 30.000.000 đồng, hạn mức rút tiền mặt là 15.000.000 đồng theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kèm Hợp đồng số A156BB22 ngày 12/01/2022. Trong thời gian sử dụng thẻ ông V đã để phát sinh nợ quá hạn nhiều kỳ liên tiếp. Hiện nay dư nợ thẻ của khách hàng Lữ Bảo V đang là nợ xấu tại Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với khách hàng qua điện thoại nhưng đều không liên hệ được. Việc khách hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả toàn bộ dư nợ thẻ gồm nợ gốc, nợ lãi, phí liên tiếp vi phạm các nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Yêu cầu Tòa án buộc ông Lữ Bảo V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/5/2023 là 51.548.013 đồng và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông Lữ Bảo V thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng phát hành thẻ số A156BB22 ngày 12/01/2022.

* *Bị đơn trình bày*: Bị đơn là ông Lữ Bảo V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp hòa giải; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án cũng như không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng.

- *Tại phiên tòa*:

* *Đại diện hợp pháp nguyên đơn trình bày*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N yêu cầu Tòa án buộc ông Lữ Bảo V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/6/2023 là 53.832.996 đồng và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông Lữ Bảo V thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng phát hành thẻ số A156BB22 ngày 12/01/2022.

* Bị đơn vắng mặt.

* *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B trình bày quan điểm*:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 299, Điều 323 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ phát sinh từ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm Hợp đồng số A156BB22 ngày 12/01/2022. Do đó, Tòa án xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn là ông Lữ Bảo V có địa chỉ nơi cư trú tại: Tổ 3, khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh B. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B có thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia làm việc, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Việc vắng mặt của bị đơn không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lữ Bảo V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (VCB) tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/6/2023 là 53.832.996 đồng và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông Lữ Bảo V thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng phát hành thẻ số A156BB22 ngày 12/01/2022. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng phát hành thẻ số A156BB22 ngày 12/01/2022 có chữ ký xác nhận của bên cho vay là Ngân hàng – chi nhánh B - phòng giao dịch T và bên vay là ông Lữ Bảo V và lời khai thống nhất của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đủ cơ sở để xác định: Ông Lữ Bảo V có vay vốn theo hình thức mở thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức thẻ 30.000.000 đồng, hạn mức rút tiền mặt: 15.000.000 đồng; mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; tài sản bảo đảm: Phát hành tín chấp theo lương nên không có tài sản bảo đảm. Trong thời gian sử dụng thẻ ông V đã để phát sinh nợ quá hạn nhiều kỳ liên tiếp. Hiện nay dư nợ thẻ của ông Lữ Bảo V đang là nợ xấu tại Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với ông Lữ Bảo V yêu cầu trả nợ nhưng đều không liên hệ được.

Xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng phát hành thẻ số A156BB22 ngày 12/01/2022. Do đó, việc Ngân hàng VCB khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền tạm tính đến ngày

20/6/2023 là 53.832.996 đồng là có cơ sở để chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 465 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bị đơn sang nợ quá hạn là phù hợp.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 267 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 299; Điều 463; Điều 465; Điều 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (VCB) đối với bị đơn ông Lữ Bảo V về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bị đơn ông Lữ Bảo V phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (VCB) số tiền tính đến ngày 20/6/2023 là 53.832.996 đồng (năm mươi ba triệu tám trăm ba mươi hai nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 21/6/2023 cho đến khi bị đơn ông Lữ Bảo V trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng phát hành thẻ số A156BB22 ngày 12/01/2022.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lữ Bảo Vân phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.691.649 đồng (hai triệu sáu trăm chín mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (VCB) số tiền 1.404.000 đồng (một triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0002343 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh B.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Chi cục THADS tp. T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Văn Thị Thanh Trúc